

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09/02/2026
V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thụ và ông Phạm Tổ Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thái – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 139/2025/TLST-HNGĐ ngày 30/12 /2025 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khu phố V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1995; nơi cư trú: Khu phố V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích T trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2018, đăng ký kết hôn và được UBND xã H, Đ (nay là UBND phường Đ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 29/01/2018. Sau thời gian chung sống, đến nay bà không còn tình cảm với chồng vì cả hai không có tiếng nói chung, ông S không tôn trọng ý kiến của vợ trong tất cả các vấn đề, không minh bạch trong chuyện tiền bạc, nợ nần, đã sống riêng từ tháng 10/2025. Hai vợ chồng cũng cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông S để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo U, sinh ngày 14/6/2019. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thành S trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Vợ chồng kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn đúng như bà T trình bày. Quá trình giải quyết vụ án ông thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà T, nhưng không đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng. Ngày 23/01/2026 và tại

phiên tòa ông thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn, đề nghị được hòa giải, vợ chồng đoàn tụ để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình vì còn thương vợ con.

- Về con chung: có 01 con chung là **Nguyễn Ngọc Bảo U**, sinh ngày 14/6/2019, hiện đang do bà **T** nuôi dưỡng. Vì không đồng ý ly hôn nên ông không có yêu cầu, ý kiến về việc con chung, không chứng minh về thu nhập và điều kiện nuôi con theo Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ của Tòa án.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không đồng ý ly hôn; Về con chung, thống nhất giao cho bà **T** tiếp tục chăm sóc như hiện nay, ông không cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả thảo luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền: Bà **Huỳnh Thị Bích T** khởi kiện xin ly hôn ông **Nguyễn Thành S**, có đăng ký thường trú tại **Khu phố V, phường Đ, tỉnh Đắk Lắk**. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà **Huỳnh Thị Bích T** và ông **Nguyễn Thành S** tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2018, được **UBND xã H, Đ** (nay là **UBND phường Đ**) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 29/01/2018, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh bất đồng, mâu thuẫn, bà **T** không còn tình cảm với ông **S** vì chồng vô tâm, không quan tâm, tôn trọng vợ; vợ chồng không có tiếng nói chung, đã ly thân từ tháng 10/2025. Ông **S** không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án hòa giải, đoàn tụ, không có thiện chí trong việc hàn gắn mâu thuẫn, đến nay vợ chồng vẫn sống riêng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà **T** và ông **S** đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà **T** được ly hôn với ông **S**.

[2.2] Về con chung: Bà **T** và ông **S** có một con chung là **Nguyễn Ngọc Bảo U**, sinh ngày 14/6/2019, hiện nay cháu **U** đang sinh sống, học tập ổn định cùng với bà **T**. Bà **T** yêu cầu tiếp tục được nuôi con chung, không yêu cầu ông **S** cấp dưỡng; Tại phiên tòa ông **S** thống nhất giao bà **T** chăm sóc, giáo dục con chung đến khi cháu muốn thay đổi người nuôi con. Do đó, HĐXX giao bà **T** được quyền nuôi con chung là phù hợp nguyên vọng của các bên và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà **T** phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà **Huỳnh Thị Bích T** được ly hôn với ông **Nguyễn Thành S**.

2. Về con chung: Giao cho bà **Huỳnh Thị Bích T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung **Nguyễn Ngọc Bảo U**, sinh ngày 14/6/2019. Bà **T** không yêu cầu nên ông **S** không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản; Khi cần thiết có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Bích T** nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, đã nộp đủ theo Biên lai số 0006203 ngày 26/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 12 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND phường Đông Hoà;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Tuyết Trinh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Khánh Nguyễn Văn T1

Võ Thị Tuyết T2

